

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH CAO BẰNG GIAI ĐOẠN 2010-2017

Nguyễn Thị Phương Nga và Phạm Thị Vân Anh

Khoa Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Tóm tắt. Trong giai đoạn 2010-2017, hoạt động du lịch của tỉnh Cao Bằng đã đạt được những kết quả đáng kể, tuy nhiên kết quả này chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có của tỉnh. Nghiên cứu này đánh giá thực trạng phát triển du lịch trên phạm vi tỉnh Cao Bằng trong giai đoạn từ 2010 – 2017 với các tiêu chí: khách du lịch, tổng thu du lịch, lao động trong du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch. Trên cơ sở nguồn số liệu từ Sở Văn hóa, thể thao, du lịch tỉnh Cao Bằng và khảo sát thực tế tại các điểm du lịch, bài báo đưa ra những phân tích, đánh giá về số lượng, cơ cấu, mức chi tiêu của khách du lịch đến, sự thay đổi của tổng thu du lịch, số lượng và chất lượng của lao động du lịch, điều kiện phục vụ du lịch. Từ đó, chúng tôi đề xuất một số giải pháp phát triển du lịch tỉnh Cao Bằng trong giai đoạn tiếp theo.

Từ khóa: Du lịch, Cao Bằng, thực trạng phát triển du lịch.

1. Mở đầu

Cao Bằng là một tỉnh biên giới phía bắc, nhiều tiềm năng cho phát triển du lịch, đặc biệt là các giá trị về tự nhiên và văn hóa bản địa. Năm 2018, công viên địa chất Non nước Cao Bằng đã được công nhận là công viên địa chất toàn cầu, đây là thời điểm có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động kinh doanh du lịch của tỉnh Cao Bằng. Việc đánh giá hiện trạng phát triển du lịch hiện nay của tỉnh có ý nghĩa khoa học và thực tiễn lớn trong việc đề xuất các giải pháp phát triển du lịch của tỉnh. Nghiên cứu thực trạng phát triển du lịch ở một điểm du lịch đã được các tác giả quan tâm, tỉnh Cao Bằng cũng có những đánh giá về hiện trạng phát triển du lịch của tỉnh nhằm đề ra các giải pháp phát triển cho du lịch Cao Bằng [2-5]. Trên cơ sở đánh giá của địa phương về thực trạng phát triển du lịch và những khảo sát thực tế của nhóm tác giả, nghiên cứu này đã định vị được hiện trạng phát triển du lịch tỉnh Cao Bằng trong giai đoạn 2010-2017 theo các tiêu chí về khách du lịch, tổng thu du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn nhân lực du lịch. Từ đó, chúng tôi đề xuất các giải pháp để khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên du lịch của tỉnh và tạo sức cạnh tranh của sản phẩm du lịch trên thị trường.

Ngày nhận bài: 19/8/2018. Ngày sửa bài: 19/11/2018. Ngày nhận đăng: 5/2/2019.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Phương Nga. Địa chỉ e-mail: nguyenphuongnga.hau@gmail.com

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng phát triển du lịch theo ngành của tỉnh Cao Bằng

2.1.1. Khách du lịch

Thực trạng phát triển du lịch tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2010 – 2017 đã đạt được một số kết quả, trong đó khách du lịch đến Cao Bằng có sự thay đổi theo hướng tích cực. Trong 7 năm, tốc độ tăng trưởng trung bình năm về khách du lịch đến đạt 7,1%/năm bao gồm khách du lịch quốc tế và khách du lịch nội địa.

Bảng 1. Khách du lịch đến Cao Bằng giai đoạn 2010-2017

Năm	Lượt khách	Trong đó			
		Khách Quốc tế (Lượt khách)		Khách Nội địa (Lượt khách)	
		Tổng số	Tỉ trọng(%)	Tổng số	Tỉ trọng(%)
2010	301.276	15.730	5,3	285.456	94,7
2017	860.252	59.797	7,0	800.273	93,0
<i>Tăng TB</i>	<i>79.853</i>	<i>6.295</i>	-	<i>73.545</i>	-
2010	301.276	15.730	5,3	285.456	94,7
2014	354.106	18.980	5,4	335.126	94,6
2015	407.785	19.965	4,9	387.820	95,1
2016	505.957	27.963	5,5	477.994	94,5
2017	860.252	59.797	7,0	800.273	93,0

(Nguồn: [4-5])

Trong giai đoạn từ năm 2010 đến 2017 số lượng khách du lịch đến tỉnh Cao Bằng tăng khá nhanh, trung bình mỗi năm tăng 79.853 lượt khách du lịch. Số lượng khách du lịch đến thành phố Cao Bằng chiếm khoảng 80% tổng số khách đến tỉnh Cao Bằng. Điều này được lý giải bởi Cao Bằng là trung tâm hành chính – kinh tế của tỉnh, các dịch vụ du lịch chủ yếu tập trung ở thành phố, bên cạnh đó với vị trí địa lý của mình, thành phố Cao Bằng là trung tâm đón khách đến, là đầu mối giao thông của tỉnh.

Bảng số liệu trên cho thấy, lượng khách du lịch đến Cao Bằng tăng đều qua các năm, tuy nhiên năm 2017 có lượng khách tăng lên đáng kể: năm 2016 là 505.957 lượt khách, đến năm 2017 tăng lên 860.252 lượt khách, tăng 558.976 lượt người, tăng 1,7 lần. Năm 2017 Cao Bằng có lượng khách tăng nhanh, đặc biệt là khách quốc tế đến, nguồn khách chủ yếu là từ các đoàn khảo sát nghiên cứu về công viên Non nước Cao Bằng. Năm 2017 tỉnh hoàn thiện các thủ tục để được xét công nhận là công viên địa chất toàn cầu. Khách quốc tế đến tăng trên 40 nghìn lượt khách, khách nội địa tăng gấp đôi. Bên cạnh đó, một số điểm du lịch trong tỉnh như khu du lịch thác Bản Giốc, khu du lịch sinh thái Phía Đen, rừng nguyên sinh ở Nguyên Bình là điểm du lịch hấp dẫn. Khoảng cách từ trung tâm thành phố Cao Bằng đến các điểm du lịch này không xa, có thể đi trong ngày, do đó khách lưu trú chủ yếu ở thành phố Cao Bằng. Cao Bằng hiện đang thực hiện các đề án khai thác các điểm du lịch tâm linh, đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ khách du lịch trong tỉnh và các tỉnh lân cận, nên lượng khách du lịch đến tăng nhanh. Trong những năm tới, du lịch Cao Bằng là điểm đến hấp dẫn của khách du lịch trong và ngoài nước.

- *Khách du lịch quốc tế.*

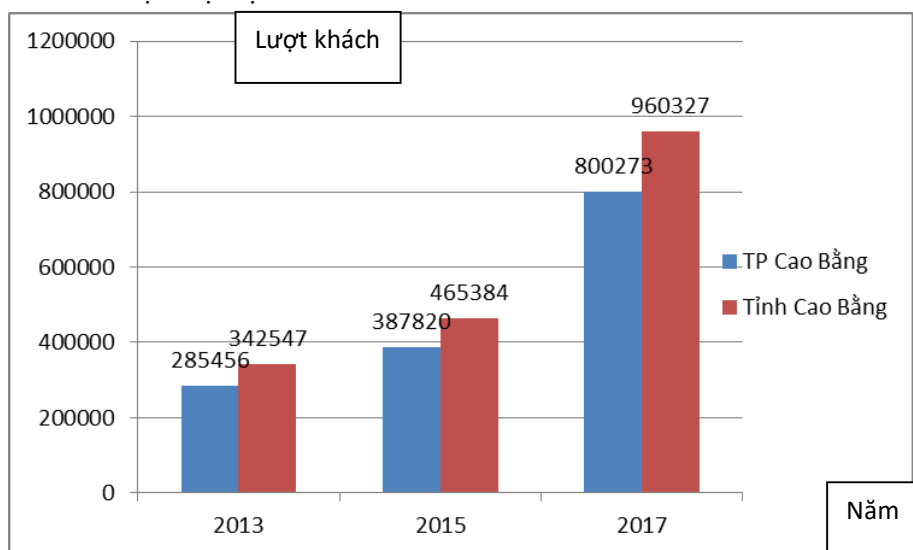
Khách du lịch quốc tế đến Cao Bằng hiện tại chủ yếu từ Trung Quốc, ngoài ra có số ít khách quốc tế theo các tuyến qua Lạng Sơn, Quảng Ninh và Hà Nội tuy nhiên so với tiềm năng thì hoạt động du lịch còn chưa tương xứng.

Giai đoạn 2010-2017 tỉ lệ khách du lịch quốc tế chỉ chiếm 5% tổng số khách du lịch. Với cơ chế mở cửa, cũng như việc quy hoạch phát triển các khu kinh tế cửa khẩu như Tà Lùng, Trà Lĩnh, Sóc Giang, khu du lịch thác Bản Giốc, di tích lịch sử Pác Bó kết hợp với những lễ hội của dân tộc... đã thu hút ngày càng nhiều khách du lịch nhất là du khách Trung Quốc.

Theo số liệu của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Cao Bằng trong những năm đầu của thời kỳ mở cửa lượng khách quốc tế đến Cao Bằng còn thấp (năm 1995 có 61 lượt khách, năm 2000 chỉ đạt 929 lượt). Thời gian gần đây, hoạt động buôn bán qua các cửa khẩu tăng, do đó lượng khách đến Cao Bằng cũng tăng nhanh (năm 2001 chỉ đạt 2.193 lượt khách, năm 2005 đạt 4.001 lượt, năm 2009 đạt 12.537 lượt và năm 2013 đạt 15.730 lượt, năm 2017 đạt 59.797 lượt). Khách du lịch quốc tế đến chủ yếu lưu trú tại thành phố Cao Bằng, chiếm 90% tổng số khách quốc tế đến Cao Bằng.

Khách du lịch quốc tế đến Cao Bằng chủ yếu là khách du lịch Trung Quốc kết hợp với làm ăn buôn bán trên địa bàn tỉnh. Khách du lịch từ các quốc tịch khác chủ yếu: Pháp, Nhật, Đức, Australia... đây là nhóm khách có sở thích khám phá các vùng đất mới. Tỉ lệ khách của các thị trường này còn rất hạn chế.

- *Khách du lịch nội địa*



Hình 1. Khách du lịch nội địa đến Cao Bằng (2013-2017)

(Nguồn: [1, 4, 5])

Thời gian gần đây, đời sống nâng cao, nhu cầu người dân đi du lịch nhiều hơn, hệ thống đường giao thông được đầu tư nâng cấp tạo điều kiện để khách du lịch dễ dàng tiếp cận địa phương. Khách du lịch nội địa đến Cao Bằng tăng với tốc độ tăng trưởng trung

bình giai đoạn 2013-2017 đạt 28%. Khách du lịch đến Cao Bằng chiếm chủ yếu trong tổng lượng khách du lịch của tỉnh.

Mùa du lịch của khách đến Cao Bằng tập trung vào mùa xuân và mùa hè. Thời gian sau tết Nguyên đán, khách du lịch nội địa đến Cao Bằng chủ yếu đi lễ một số điểm linh thiêng ở khu vực thành phố Cao Bằng và các huyện lân cận.

Về cơ cấu khách du lịch nội địa được thể hiện qua bảng khảo sát với 100 khách du lịch nội địa đến Cao Bằng thông qua phỏng vấn về mục đích đi du lịch và phương tiện di chuyển chủ yếu. Kết quả khảo sát được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2. Cơ cấu khách du lịch nội địa đến Cao Bằng

Cơ cấu	Tiêu chí			
	18-25 tuổi	25-45 tuổi	45 – 60 tuổi	>60 tuổi
Theo độ tuổi	30/100 = 30%	42/100 = 42%	23/100 = 23%	5/100 = 5%
Theo phương tiện di chuyển	Xe máy	Ô tô khách	Xe du lịch	Xe cá nhân
	25/100 = 25%	28/100 = 28%	24/100 = 24%	23/100 = 23%
Theo mục đích chuyến đi	Du lịch	Thăm thân	Công vụ	Kết hợp
	20/100 = 20%	24/100 = 24%	9/100 = 9%	47/100 = 47%

Nguồn: Khảo sát thực tế khách du lịch của tác giả

Cơ cấu khách du lịch nội địa theo độ tuổi đến Cao Bằng cho thấy khách du lịch chủ yếu là người 25 – 45 tuổi. Số lượng khách từ 45- 60 tuổi chủ yếu đến Cao Bằng vào thời kì sau Tết nguyên đán ở các điểm du lịch tâm linh trên địa bàn tỉnh. Số lượng khách dưới 25 tuổi chủ yếu là học sinh sinh viên đến Cao Bằng với các mục đích thăm thân hoặc đi kết hợp.

Phương tiện di chuyển chủ yếu của khách du lịch đến Cao Bằng là ô tô (xe khách, xe cá nhân hoặc xe du lịch). Một lượng khách khá lớn đi bằng phương tiện xe máy với mục đích chủ yếu là lên thác Bản Giốc, hồ Thang Hen, hang Pác Bó...

Khách du lịch đến Cao Bằng với mục đích du lịch thuần túy chỉ có 20% số người được hỏi, khách du lịch chủ yếu với mục đích kết hợp chiếm 47% số người được hỏi (kết hợp giữa công vụ và du lịch, giữa thăm thân và du lịch). Điều này cho thấy du lịch hiện nay của Cao Bằng cần cải thiện về quảng bá, chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm du lịch để thu hút khách du lịch. Với lượng khách nội địa hiện nay chưa tương xứng với tiềm năng về tài nguyên du lịch của Cao Bằng.

- *Số ngày lưu trú trung bình*

Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng, ngày lưu trú của khách do các cơ sở lưu hành như sau: khách quốc tế giảm từ 2,5 ngày năm 2006 xuống 2,4 ngày vào năm 2010; khách du lịch nội địa giảm từ 2,2 ngày xuống còn 1,5 ngày. Tuy nhiên tính chung cho toàn tỉnh thì khách quốc tế đến Cao Bằng lưu trú trung bình là 1 ngày và khách nội địa lưu trú từ 0,35-0,4 ngày. Nguyên nhân cơ bản du lịch Cao Bằng chưa có các dịch vụ bổ sung để kéo dài thời gian của khách.

- *Mức chi tiêu và cơ cấu chi tiêu của khách du lịch.*

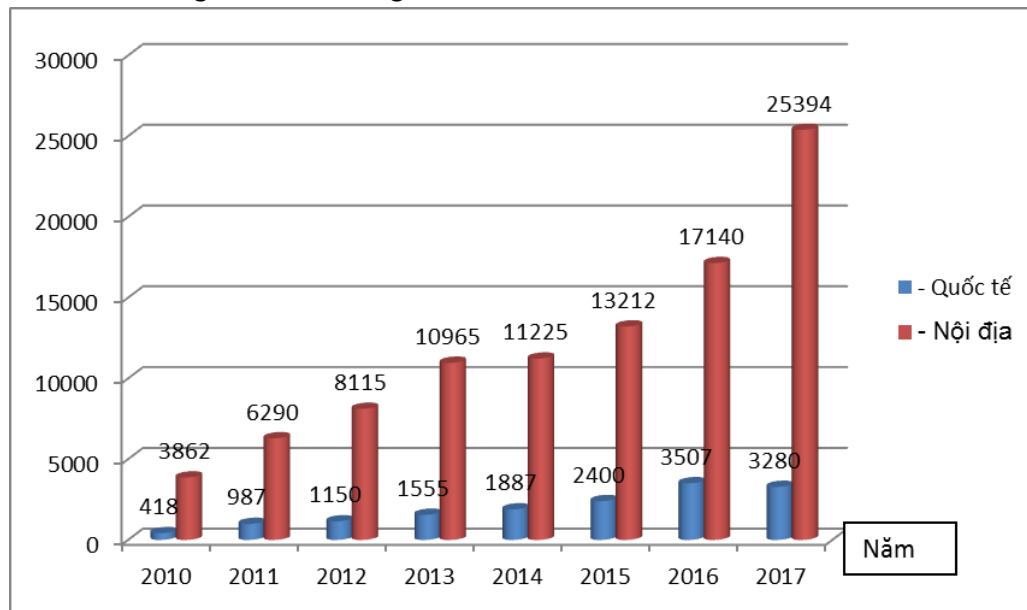
Theo thống kê của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Cao Bằng thì giai đoạn 2000-

2010, chi tiêu của khách du lịch tại một số điểm danh lam thắng cảnh và khách sạn, trung bình một khách quốc tế chi tiêu từ 300.000 – 570.000 VND (tương đương 14,3-27USD); khách du lịch nội địa chi tiêu trong khoảng 200.000 – 380.000VND (tương đương 9,5-18 USD). Đến giai đoạn 2010-2017, chi tiêu của khách du lịch đã tăng lên đáng kể, lần lượt là 1.200.000VND/ngày đối khách quốc tế và 620.000VND/ngày đối với khách nội địa [2].

Khách du lịch đến Cao Bằng (cả khách quốc tế và khách nội địa) đều chi tiêu nhiều cho các dịch vụ lưu trú và ăn uống; trong đó doanh thu dịch vụ lưu trú vẫn chiếm tỉ lệ cao nhất, dao động từ 50%-55%, tiếp đến là doanh thu từ việc phục vụ ăn uống, tỉ lệ này dao động 24%-25% [2].

2.1.2. Tổng thu du lịch

Tổng thu từ du lịch trên địa bàn Cao Bằng bao gồm các nguồn thu: thu từ các cơ sở lưu trú, nhà hàng, quán ăn, khu vui chơi giải trí, hoạt động lữ hành và các dịch vụ vận chuyển, dịch vụ bổ sung. Tổng thu từ du lịch trong những năm qua (2010-2017) có sự tăng trưởng nhanh chóng. Năm 2010 thu từ du lịch mới đạt khoảng 4,3 tỉ đồng đến năm 2017 tăng lên 28,6 tỉ đồng. Tốc độ tăng trưởng trung bình 18,5%/năm. Trong đó nguồn thu chủ yếu từ khách du lịch nội địa. Năm 2010 thu từ khách du lịch nội địa là 3,8 tỉ đồng, đến năm 2017 tăng lên 25,3 tỉ đồng.



Hình 2. Tổng thu du lịch từ khách du lịch tại Cao Bằng

(Nguồn: [1, 4, 5])

Doanh thu từ du lịch có sự chênh lệch lớn giữa nguồn thu từ khách quốc tế và khách nội địa là do:

- Khách du lịch quốc tế còn ít;
- Khách nội địa nhiều nhưng mức chi tiêu còn thấp, thời gian lưu trú ngắn.

So sánh tổng thu từ hoạt động du lịch thành phố Cao Bằng với các huyện lân cận cho thấy tổng thu của thành phố chiếm chủ yếu trong tổng thu du lịch của cả tỉnh, do lượng khách của thành phố chiếm hơn 80% tổng lượng khách của tỉnh. Nếu so sánh tổng

thu của tỉnh Cao Bằng với các tỉnh lân cận như Bắc Cạn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên thì tổng thu từ du lịch của Cao Bằng còn thấp, điều này cho thấy hiệu quả hoạt động du lịch ở Cao Bằng còn thấp.

Bảng 3. Tổng thu từ hoạt động du lịch tỉnh Cao Bằng với các tỉnh lân cận và vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, giai đoạn 2010-2017 (Đơn vị: Tỷ đồng)

Tỉnh	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Lạng Sơn	162,5	228,0	288,0	386,0	456,0	552,7	710,0	750,0
Tuyên Quang	85,2	130,0	186,0	295,0	371,0	450,0	460,0	500,0
Hà Giang	76,0	82,0	95,0	110,0	135,0	155,0	202,0	233,4
Bắc Cạn	6,9	7,1	10,1	15,3	21,2	35,0	45,8	57,6
Cao Bằng	4,3	7,2	9,3	12,5	13,1	15,6	20,6	28,6
Toàn vùng	711,9	943,9	1207,8	1614,9	1986,7	2390,9	2801,6	3265,7

Nguồn: [3]

- Xét về cơ cấu thu nhập: Đến nay, do hoạt động lữ hành và vận chuyển du lịch trên địa bàn Cao Bằng còn hạn chế và chưa phát triển, nên hầu hết nguồn thu từ hoạt động du lịch được thu thập từ các cơ sở lưu trú du lịch. Trong đó thu từ khách du lịch quốc tế chiếm tỉ trọng trung bình 13,3% (năm 2010 chiếm tỉ trọng 9,8%, năm 2015 chiếm 15,4% và đến năm 2017 chiếm tỉ trọng 14,4%).

2.1.3. Lao động trong ngành du lịch

• Số lượng lao động

Lao động trong du lịch bao gồm lao động trực tiếp và lao động gián tiếp. Lao động trực tiếp là số lao động làm việc trong các công ty lữ hành, khách sạn, nhà hàng và các cơ sở dịch vụ khác. Lao động gián tiếp tham gia vào các hoạt động có liên quan đến hoạt động du lịch. Tỉ lệ giữa lao động trực tiếp và lao động gián tiếp thường là 1/2,2. Trong khách sạn, số lao động bình quân trên một buồng càng cao, chứng tỏ hệ thống các dịch vụ bổ sung càng hoàn chỉnh. Đối với khách sạn hiện đại, đầy đủ các dịch vụ tỉ lệ này có thể lên tới 2-2,2 người/buồng.

Theo số liệu thống kê, năm 2010 cả tỉnh có 109 lao động trong ngành du lịch; đến năm 2014 con số này là 268 và năm 2017 là 515 lao động. Tốc độ tăng trưởng trung bình lao động trong giai đoạn 2010-2017 là 16,8%. Thực tế phát triển lao động du lịch Cao Bằng chưa phù hợp cơ cấu lao động theo tiêu chuẩn của quốc tế.

• Chất lượng lao động

Số lượng lao động được tăng lên hàng năm song chất lượng chuyên môn lại chưa được cải thiện. Số lao động chưa qua đào tạo nghiệp vụ còn cao, trình độ nghiệp vụ sơ

cấp chiếm số lượng lớn, trình độ ngoại ngữ còn rất thấp. Trình độ đại học và trên đại học của lao động trong du lịch chỉ dao động ở mức độ 7,0% (năm 2010) đến 10,4% trên tổng số lao động trong ngành du lịch (năm 2015). Đến năm 2017 tỉ lệ này chỉ còn chiếm 9,9% [2,3]. Nếu nghiên cứu về nhu cầu lao động để đáp ứng cho yêu cầu phát triển du lịch thì lao động trong ngành du lịch Cao Bằng đang thiếu cả về số lượng và chất lượng.

Bảng 4. Hiện trạng lao động du lịch Cao Bằng (2010 – 2017) (Đơn vị: Người)

Năm	Tổng LD	Trình độ đào tạo							
		ĐH - Trên ĐH		Cao đẳng –TC		Đào tạo khác		Chưa đào tạo	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
2010	143	10	7,0	15	10,5	48	33,6	70	49,0
2012	234	17	7,3	24	10,3	64	27,4	129	55,1
2013	314	22	7,0	30	9,6	67	21,3	195	62,1
2014	406	22	5,4	35	8,6	66	16,3	283	69,7
2015	433	45	10,4	40	9,2	64	14,8	284	65,6
2016	459	45	9,8	60	13,1	48	10,5	306	66,7
2017	515	51	9,9	80	15,5	68	13,2	316	61,4

Nguồn: [4, 5]

Thực tế tại các cơ sở lưu trú du lịch đang sử dụng phần lớn lao động chưa đạt tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ. Để từng bước giải quyết thiếu hụt về lao động có nghiệp vụ, hàng năm Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phối hợp với trường Trung học chuyên nghiệp, Trường Cao đẳng nghiệp vụ du lịch Hà Nội mở các lớp tập huấn nghiệp vụ ngắn hạn cho lao động trong các nhà hàng, khách sạn trên địa bàn tỉnh.

Để nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch, công tác đào tạo bồi dưỡng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch đã được chú ý, hàng năm tỉnh Cao Bằng mở các lớp tập huấn về nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch, lễ tân, buồng bàn, quản lý cơ sở lưu trú. Lựa chọn một số cán bộ quản lý doanh nghiệp cho đi đào tạo cao đẳng, đại học, đi tham quan học tập trao đổi kinh nghiệm tại các địa phương bạn... nên trình độ quản lý, chuyên môn của đội ngũ cán bộ, nhân viên, lao động trong các khách sạn nhà hàng đã từng bước được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý của ngành.

2.1.4. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

• Cơ sở lưu trú

Cơ sở lưu trú bao gồm khách sạn, nhà nghỉ, motel, làng du lịch, khu du lịch, bungalow... Việc thiết kế và phát triển các loại hình cơ sở lưu trú hợp lý không những sẽ tạo ra sự độc đáo, hấp dẫn của khu du lịch, mà còn nâng cao hiệu quả kinh tế và hiệu quả đầu tư. Cùng với xu hướng chung của cả nước hiện nay, do lượng khách quốc tế ngày càng tăng, khách nội địa có nhu cầu đi nghỉ nhiều hơn nên các khách sạn, nhà nghỉ được xây dựng thêm để đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách du lịch. Số lượng khách sạn, nhà nghỉ của các thành phần kinh tế ở Cao Bằng tăng nhanh cả về số lượng, quy mô và phương thức hoạt động.

- Trong giai đoạn 2010-2017, hệ thống cơ sở lưu trú ở Cao Bằng đã phát triển với tốc độ khá nhanh. Năm 2010, Cao Bằng chỉ có 63 cơ sở lưu trú đi vào hoạt động với 507 buồng, thì đến năm 2013 số cơ sở lưu trú tăng lên 84 cơ sở với 715 buồng và tính đến cuối năm 2017 cả tỉnh có 131 cơ sở với 1345 buồng. Tốc độ tăng trưởng trung bình cho giai đoạn 2010-2017 về cơ sở lưu trú du lịch là 29,2%/năm, về số buồng là 18,9%/năm.

Bảng 5. Hiện trạng về cơ sở lưu trú du lịch tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2010 – 2017

Hạng mục	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Tổng số	63	69	78	84	97	107	120	131
Tổng số buồng	507	548	675	715	838	987	1018	1345

Nguồn: [4-5]

- *Công suất sử dụng buồng*: Theo kết quả thống kê từ các cơ sở lưu trú dao động từ 38%-43% (giai đoạn 2010-2013) và từ 45%-60% (giai đoạn 2013-2017).

- *Chất lượng cơ sở lưu trú*: Hầu hết các cơ sở lưu trú đều quan tâm nâng cao chất lượng; dịch vụ du lịch được nâng cao hơn trước như: thiết bị, tiện nghi phục vụ, đào tạo lao động, đa dạng hoá sản phẩm hướng tới tạo nếp và tính chuyên nghiệp trong hoạt động kinh doanh, phục vụ khách. Nếu như năm 2010 Cao Bằng có 3 cơ sở được xếp hạng sao với 96 buồng, thì đến năm 2013 số cơ sở được xếp hạng sao là 6 cơ sở với 140 buồng và đến năm 2017 đã có 8 cơ sở được xếp hạng sao với 193 buồng (trong đó 2 cơ sở được xếp hạng 2 sao và 6 cơ sở được xếp hạng 1 sao). Các cơ sở lưu trú tập trung chủ yếu ở khu vực các phường trung tâm của tỉnh Cao Bằng.

** Cơ sở ăn uống*

Các cơ sở ăn uống bao gồm restaurant, coffee-shop, bar, quán ăn nhanh v.v. Các tiện nghi phục vụ ăn uống có thể nằm trong các cơ sở lưu trú nhằm phục vụ nhu cầu ăn uống, nghỉ ngơi, hội họp và giao lưu của khách đang lưu trú tại các khách sạn hoặc có thể nằm độc lập bên ngoài các cơ sở lưu trú, ở các điểm tham quan du lịch, trong các cơ sở vui chơi giải trí... nhằm phục vụ khách du lịch cũng như dân cư địa phương.

Hiện tại Cao Bằng có khoảng 57 nhà hàng (restaurants) nằm trong các cơ sở lưu trú với khoảng 5.000 chỗ ngồi, phục vụ các món ăn khác nhau đáp ứng nhu cầu của khách lưu trú. Các tiện nghi ăn uống bên ngoài khách sạn, tại các điểm tham quan kém phát triển hơn. Ngoài ra còn có các cửa hàng ăn uống tư nhân nhỏ phục vụ chủ yếu các món ăn Việt Nam bình dân nằm ở khu vực quanh thành phố Cao Bằng, khu du lịch sinh thái thác Bản Giốc, Nguyên Bình...

• *Các cơ sở vui chơi giải trí.*

Các cơ sở vui chơi giải trí của Cao Bằng hiện nay còn ít, chủ yếu phục vụ cho nhu cầu của dân địa phương. Khu vực công viên trung tâm thành phố các quán phục vụ karaoke có khoảng 60 cơ sở trên toàn thành phố, 58 điểm kinh doanh dịch vụ internet phục vụ người dân địa phương và khách du lịch. Như vậy xét về số lượng các khu vui chơi giải trí và các dịch vụ bổ sung (cơ sở spa, thể dục thể thao, bể bơi...) còn ít, chủ yếu phục vụ cho nhu cầu người dân địa phương. Số lượng khách du lịch sử dụng các dịch vụ còn ít. Điều này cũng ảnh hưởng đến thời gian lưu trú của khách du lịch khi đến Cao Bằng.

2.2. Một số giải pháp phát triển du lịch tỉnh Cao Bằng

• Đa dạng hóa sản phẩm du lịch Cao Bằng

Ngoài các sản phẩm du lịch chủ yếu như du lịch về với cội nguồn cách mạng Pác Bó; du lịch sinh thái thác Bản Giốc-Ngườm Ngao; nghỉ dưỡng ở Phía Đen, Phia Oắc... du lịch Cao Bằng cần mở rộng phát triển sản phẩm du lịch văn hóa tâm linh, du lịch cộng đồng, du lịch có trách nhiệm, du lịch biên giới cửa khẩu, chuyên đề tham quan hang động để góp phần làm tăng thêm thời gian lưu trú của khách. Tuy nhiên khi phát triển sản phẩm cần nghiên cứu định hướng về thị trường. Phát triển và nâng cao chất lượng các sản phẩm gắn với đặc trưng về tự nhiên và văn hóa Cao Bằng. Phát triển sản phẩm đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của khách du lịch. Các sản phẩm du lịch làng nghề như dệt thổ cẩm, rèn... cần tạo môi trường để khách du lịch có thể tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất ra sản phẩm nói trên.

• Phát triển nguồn nhân lực trong ngành du lịch

Bổ sung nhân lực lao động ngành tại các khu lưu trú các khu du lịch đảm bảo theo tiêu chuẩn ngành với các hình thức đào tạo mới, đào tạo lại. Thu hút lực lượng lao động gián tiếp tại chỗ bằng cách mở rộng các dịch vụ kèm theo như các làng nghề, các hướng dẫn viên, các dịch vụ ăn uống...

• Huy động tối đa các nguồn vốn đảm bảo nhu cầu đầu tư phát triển du lịch

Huy động triệt để nguồn lực tài chính trong nhân dân, tiềm lực tài chính của các tổ chức trong và ngoài nước để đảm bảo đủ nguồn vốn với cơ cấu 85% vốn đầu tư từ khu vực tư nhân.

• Tăng cường năng lực xúc tiến, quảng bá du lịch

UBND tỉnh cấp vốn ngân sách phù hợp thực hiện các yêu cầu về xúc tiến quảng bá du lịch Cao Bằng, xây dựng hình ảnh và thương hiệu du lịch Cao Bằng. Thực hiện xã hội hóa công tác xúc tiến, quảng bá du lịch để tranh thủ sự hỗ trợ về vốn, vật chất kỹ thuật từ các doanh nghiệp, tạo hình ảnh du lịch hấp dẫn đối với du khách.

3. Kết luận

Thực trạng phát triển du lịch tỉnh Cao Bằng cho thấy giá trị đóng góp của ngành vào cơ cấu kinh tế của tỉnh còn hạn chế. Số lượng khách du lịch đến chủ yếu là khách nội địa, chi tiêu thấp, dịch vụ du lịch chưa đa dạng. Để ngành du lịch Cao Bằng phát triển tương xứng với tiềm năng của địa phương, tỉnh cần đề ra một số giải pháp cụ thể: đa dạng hóa các loại hình du lịch, thực hiện quảng bá hình ảnh du lịch của tỉnh, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đồng thời thực hiện theo nguyên tắc phát triển du lịch có trách nhiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng, *Niên giám thống kê tỉnh Cao Bằng năm 2017, NXB Thống kê năm 2018.*
- [2] Sở Văn hóa, Thể thao, Du lịch Cao Bằng, *Báo cáo tình hình phát triển du lịch tỉnh Cao Bằng năm 2010, 2011, 2012, 2013, 2015-2017.*

- [3] Thủ tướng Chính phủ, 2014. *Quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Cao Bằng đến năm 2020 định hướng 2025*, Hà Nội.
- [4] UBND tỉnh Cao Bằng, 2016. *Kế hoạch chương trình phát triển du lịch tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016-2020*, Cao Bằng.
- [5] UBND tỉnh Cao Bằng, 2018. *Báo cáo sơ kết chương trình phát triển du lịch tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016-2020*, Cao Bằng.

ABSTRACT

Evaluate the reality of the development of tourism in Cao Bang province from 2010 - 2017

Nguyen Thi Phuong Nga and Phạm Thị Vân Anh
Tourism Department , Hanoi University of Industry

In the period of 2010 - 2017, Cao Bang tourism activities have achieved remarkable results, but with those results did not commensurate with the available potential of the province. This study assesses the status of tourism activities in Cao Bang province with the following criteria: tourists, total tourism revenue, labor resources in tourism, the reality of technical facilities for tourism and calendar. Based on data from the Department of Culture, Sports and Tourism of Cao Bang province and actual survey from tourist sites, the article provides analysis and evaluation of the current status of tourism development in Cao Bang Province, thus, proposes some solutions to develop tourism in Cao Bang province in the next period.

Keywords: Tourism, Cao Bang, the conditions to develop tourism.